

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EAKAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**Bản án số: 62/2021/DS-ST.**

**Ngày: 08- 12- 2021.**

*V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Luyên.

*Các hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Tuyết.

Ông Y Nik Êban.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:** Ông Cao Văn Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2018/TLST - DS, ngày 27 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST - DS, ngày 25/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST-DS, ngày 12/11/2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 16/2021/TA-TA, ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** ông Lê Bảo C ( tên gọi khác: C1), sinh năm: 1955 ( Có mặt)

Nơi cư trú: thôn 4, xã X P, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

**Bị đơn:** ông Nguyễn Văn X, bà Trương Thị T1 ( Có mặt)

Nơi cư trú: thôn S1, xã XP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. ông Bùi Văn T2, sinh năm: 1960 ( Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: buôn Gia Nủ B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

2. bà Trần Thị M, sinh năm: 1964 ( Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn 13, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

**Người làm chứng:** ông Bùi Văn P1 ( Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn 2, xã X P, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2018, trong quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Bảo C trình bày:

Ông C và ông X là anh em kết nghĩa nên ngày 18/6/2010 ông C có cho ông X vay số tiền là 171.000.000 đồng, ông X đã trả được 73.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 98.000.000 đồng ông X vẫn chưa trả. Số tiền 98.000.000 đồng ông X vay của ông C nhiều lần, đây là số tiền vay không phải là số tiền góp để mua đất nhận đền bù dự án như ý kiến của ông X, giữa ông X và ông C không có việc mua đất C. Giấy vay tiền ông C cung cấp để khởi kiện là do ông C viết nội dung, ông X có ký xác nhận nên ông C

làm đơn khởi kiện yêu cầu ông X, bà T1 phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay gốc là 98.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm.

\* Trong quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn X trình bày: Vào năm 2010 ông X và ông C có góp vốn làm ăn C với nhau để mua đất nhận đền bù dự án tại tỉnh Đắk Nông. Ông C có đưa cho ông X nhiều lần tiền với tổng là 98.000.000 đồng; sau này nhà nước đền bù cho chủ đất là ông Nguyễn Tất Đ là 192.000.000 đồng. Ông Đ đã nhờ ông Bùi Văn T2 trả giúp cho ông C số tiền là 94.000.000 đồng là số tiền ông X nhờ ông T2 trả thay vì tại thời điểm đó đang ở tỉnh Hưng Yên. Giấy vay tiền mà ông C cung cấp để khởi kiện là không đúng, vì thực tế khi ứng tiền của ông C thì ông X không ký xác nhận, ông C tự mình ghi vào giấy của ông C, trong giấy vay do ông C cung cấp thì toàn bộ nội dung là do ông C tự viết, ông X chỉ có ghi tên “X”. Sau khi nhận tiền từ ông T2 thì ông X và ông C đã thống nhất thanh toán xong tiền nên ông C đã gạch nợ. Do là anh em kết nghĩa nên ông X không yêu cầu ông C hủy giấy này đi nên ông C đã lợi dụng việc này để đi khởi kiện. Vì vậy đề nghị Tòa án triệu tập ông T2, bà M, ông P1 đến Tòa án để làm rõ. Đồng thời trong hồ sơ vụ án năm 2015 Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ và đã làm rõ số tiền 98.000.000 đồng là tiền làm ăn giữa ông C và ông X. Do vậy, ông X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Bị đơn bà Trương Thị T1 trình bày: Tôi (T1) đồng ý với ý kiến trình bày của ông X, bà T1 không đồng ý với kiến khởi kiện của ông Lê Bảo C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T2 trình bày: ông Bùi Văn T2 có mua đất C với ông Nguyễn Văn X vào năm 2010, sau đó diện tích đất mua C được nhận đền bù với tổng số tiền là 192.000.000 đồng. Vào năm 2012 ông T2 đã 02 lần nhận hộ cho ông X tiền đền bù từ ông Nguyễn Tất Đ (là chủ đất) với số tiền nhận là 94.000.000 đồng, khi nhận tiền ông T2 có gọi điện cho ông X nhưng do ông X đang ở Hưng Yên nên ông X có nhờ ông T2 đưa tiền cho ông C, người nhận số tiền 94.000.000 đồng này là ông C nhận và ông C đã thừa nhận tại giấy nhận tiền ngày 20/4/2013. Việc ông X có vay tiền của ông C hay không thì ông T2 không biết, ông X có nhờ ông T2 trả số tiền 94.000.000 đồng cho ông C thì ông T2 đã trả. Ngoài ra, ông T2 không trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2021 bà Trần Thị M trình bày: Vào năm 2010, bà M và chồng là ông Nguyễn Tất Đ (ông Đ đã chết năm 2017) có bán cho ông C diện tích đất là 3.000m<sup>2</sup> với số tiền 90.000.000 đồng. Đến năm 2012 thì diện tích đất này được Nhà nước đền bù với số tiền là 197.000.000 đồng, số tiền này bà M, ông Đ đã giao cho ông T2 để ông T2 giao lại cho ông C và các bên có viết giấy nhận tiền nhưng do đã lâu giấy tờ đã thất lạc bà M không còn giữ. Việc ông C và ông X vay tiền như thế nào bà M không biết nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2021 người làm chứng ông Bùi Văn P1 trình bày: Ngày 08/02/2010 ông Lê Bảo C có nhờ ông P1 cầm số tiền 20.000.000 đồng đưa cho ông Nguyễn Văn X, số tiền này ông X đã nhận. Sau đó đến ngày 10/02/2010 ông C có cùng ông P1 đi trả nợ hộ 3.000.000 đồng tiền đầu cho ông X tại cây xăng Hồng Phú. Việc ông X và ông C góp vốn hay vay tiền như thế nào ông P1 không biết, ông C có nhờ ông P1 ký xác nhận người làm chứng đối với hai khoản tiền trên thì ông P1 ký xác

nhận, còn việc ông X, ông C lập giấy tờ với nhau từ khi nào thì ông P1 không biết. Ngoài ra ông P1 không trình bày gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 12/11/2021 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng ông Nguyễn Thái T, ông Bùi Văn T2, bà Trần Thị M, ông Bùi Văn P1 đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 227; Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn ông Lê Bảo C vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn X, bà Trương Thị T1 phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay là 98.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn ông X, bà T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C vì thực tế số tiền 98.000.000đồng không phải tiền vay mà là tiền góp vốn để mua đất nhận tiền đền bù của Nhà nước, sau khi nhận tiền đền bù các bên đã thanh toán xong nên ông C đã gạch bỏ đối với số tiền này.

#### **Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt là thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 và Điều 78 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn giải quyết vụ án chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Theo giấy vay tiền ngày 18/6/2010 ông Nguyễn Văn X có ứng của ông Lê Bảo C tổng 05 lần tiền với tổng là 98.000.000đồng, lãi 1,2%, nội dung giấy vay tiền này được thể hiện phần bên trên của giấy vay tiền. Sau đó phần phía dưới có ghi nội dung “ tách ra 25 triệu làm nhà trường, còn lại 73 triệu” chú X phải chịu trách nhiệm số tiền trên, ký tên X, Nguyễn Văn X”. Nội dung phía dưới đã được gạch bỏ và người gạch bỏ là ông C vì ông C cho rằng ông X đã trả nên gạch bỏ, bản thân ông C không chứng minh được số tiền bị gạch bỏ là số tiền vay của khoản tiền nào, chứng cứ chứng minh cho khoản vay này, đồng thời số tiền bị gạch bỏ phù hợp với số tiền vay. Do đó, có thể khẳng định ông X đã trả số tiền nhận từ ông C là 98.000.000đồng. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự: Bác đơn khởi kiện của ông Lê Bảo C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn X, bà Trương Thị T1 phải trả số tiền đã vay là 98.000.000đồng và tiền lãi phát sinh là phù hợp.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T2, bà Trần Thị M; người làm chứng ông Bùi Văn P1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 và Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng là phù hợp.

[2] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Đơn khởi kiện của ông Lê Bảo C bà đề ngày 19/7/2018, Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ pháp luật là “*Kiến tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn X, bà Trương Thị T1 có nơi cư trú tại thôn S, xã XP huyện E K, tỉnh Đắk Lắk. Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

#### [3] Về nội dung khởi kiện:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn ông Lê Bảo C yêu cầu ông Nguyễn Văn X, bà Trương Thị T1 phải trả số tiền đã vay là 98.000.000đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo giấy vay tiền ông Lê Bảo C cung cấp cho Tòa án thể hiện ông X có ứng của ông C ( tên gọi khác là Chúc) 05 lần tiền với tổng số tiền là 98.000.000đồng, việc ứng tiền này đã được ông X thừa nhận là đúng. Sau đó phần phía dưới của nội dung giấy vay tiền có ghi “ *Tách ra 25 triệu làm nhà trường, còn lại 73 triệu*” và toàn bộ nội dung này đã được ông C thừa nhận mình là người trực tiếp gạch bỏ, vì cho rằng ông X đã trả tiền của khoản vay khác nhưng ông C không cung cấp được chứng cứ, tài liệu chứng minh cho khoản vay khác này là khoản vay nào số tiền trong phần dưới do ông C gạch bỏ phù hợp với số tiền ông X thừa nhận đã ứng của ông C ở phần trên. Giấy vay tiền thể hiện nội dung phía trên là việc ứng tiền, phía dưới là phần thanh toán đã được ông C gạch bỏ, giấy vay tiền này ông C là người nắm giữ và ông C cũng là người gạch bỏ phần đã trả. Lời trình bày của ông Lê Bảo C không đúng thực tế khách quan, không có tài liệu chứng cứ chứng minh, không phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà chính mình cung cấp. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bảo C là không phù hợp.

[3.2] Xét yêu cầu tính tiền lãi của ông Lê Bảo C, trong giấy vay tiền không thể hiện ngày trả nợ, lãi suất thỏa thuận là 1,2%/tháng. Số tiền lãi được tính hai thời điểm:

- Thời điểm từ ngày vay đến ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật: Theo giấy nhận nợ và ý kiến của ông C cho rằng hai bên tự nguyện thỏa thuận lãi suất 1,2%/tháng. HĐXX, xét thấy, việc giao kết giao dịch dân sự giữa ông C với ông X là hoàn toàn tự nguyện, nhưng các bên thỏa thuận mức lãi suất 1,2%/tháng là vượt quá mức quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và vượt quá mức lãi suất cơ bản được quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống

độc Ngân hàng nhà nước nên cần tính lãi suất cụ thể đối với số tiền 98.000.000 đồng theo giấy nhận nợ 18/6/2010: Từ ngày vay 18/6/2010 đến ngày 31/12/2016 là 2.383 ngày:  $98.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 2.383 \text{ ngày}/30 = 87.575.250 \text{ đồng}$ .

- Thời điểm từ ngày 01/01/2017 đến ngày đến hạn trả nợ ngày xét xử là ngày 08/12/2021. Dù giao dịch dân sự có khoản vay được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật và có khoản vay được xác lập tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều khoản chuyển tiếp) thì giao dịch dân sự chưa được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của bộ luật này để giải quyết. Do đến thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, ông C vẫn yêu cầu nên cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Trường hợp các bên có thỏa thuận lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm (1,66%/tháng). Vì vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận 1,2%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên tiền lãi tính như sau: Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 08/12/2021 là 1789 ngày:  $98.000.000 \text{ đồng} \times 1,2\% \times 1789 \text{ ngày}/30 = 70.403.000 \text{ đồng}$ .

**Tổng số tiền lãi là 158.278.250 đồng.**

Từ những phân tích nêu trên về tài liệu chứng cứ của ông C là không có căn cứ nên cần áp dụng Điều 463; Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bảo C đối với số tiền vay gốc 98.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm là 158.278.250 đồng là phù hợp.

[4] **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do nguyên đơn có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí do người cao tuổi nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ tiền án phí cho Nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 195, Điều 203; Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228; Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự.

**Tuyên xử:** Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Bảo C yêu cầu Nguyễn Văn X, bà Trương Thị T1 phải trả số tiền gốc đã vay là 98.000.000 đồng tiền gốc và 158.278.250 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 256.278.250 đồng, (*Hai trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng*)

**Về án phí:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12; Điều 14; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Bảo C thuộc diện người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Bảo C.

Hoàn trả lại cho ông Lê Bảo C số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 5.272.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0004533 ngày 21/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

**Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã ký)

**Nguyễn Thị Luyện**

